Người ký: Sở Xây dựng
Email: sxd@hanam.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Hà Nam

UBND TỈNH HÀ NAM
SỞ XÂY DỰNG

Số: 1333/BC-SXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 29 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO
Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch đầu tư công năm 2020

Sở Xây dựng nhận được Văn bản số 1075/SKHĐT-TH ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch đầu tư công năm 2020, sau khi nghiên cứu Sở Xây dựng thông báo nội dung như sau:

1. Những kết quả đạt được về phát triển kinh tế xã hội:

06 tháng đầu năm các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của Sở Xây dựng đã thực hiện đúng kế hoạch, phấn đấu 6 tháng cuối năm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Ngành trong năm 2019. Cụ thể như:

- Chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh: Kế hoạch năm 2019 là 37%. Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 đạt 36,8%. Thực hiện tháng 12 năm 2019 đạt 37%.
- Chỉ tiêu về Chương trình phát triển nhà ở: Kế hoạch năm 2019 là 27,12 m^2/người. Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 đạt 26,83 m^2/người. Thực hiện tháng 12 năm 2019 đạt 27,12 m^2/người *(Trong đó: Diện tích nhà ở đô thị bình quân kế hoạch năm 2019 là 28,2 m^2/người; thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 đạt 27,84 m^2/người; thực hiện tháng 12 năm 2019 đạt 28,2 m^2/người. Diện tích nhà ở nông thôn bình quân theo kế hoạch năm 2019 là 24,8 m^2/người; thực hiện 6 tháng năm 2019 đạt 24,37 m^2/người; thực hiện tháng 12 năm 2019 đạt 24,8 m^2/người)*
- Chỉ tiêu về tỷ lệ hộ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch: Kế hoạch năm 2019 là 97%. Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 đạt 96%. Thực hiện tháng 12 năm 2019 đạt 97%.
- Chỉ tiêu về đá các loại: Kế hoạch năm 2019 là 12.550 (10^3m^3). Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 đạt 6.020 (10^3m^3). Thực hiện tháng 12 năm 2019 đạt 6.530 (10^3m^3).
- Chỉ tiêu về gạch nung: Kế hoạch năm 2019 là 500 triệu viên. Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 đạt 240 triệu viên. Thực hiện tháng 12 năm 2019 đạt 260 triệu viên.
- Chỉ tiêu về gạch không nung: Kế hoạch năm 2019 là 380 triệu viên. Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 đạt 182 triệu viên. Thực hiện tháng 12 năm 2019 đạt 198 triệu viên.
- Chỉ tiêu về xi măng: Kế hoạch năm 2019 là 13.500 (10^3 tấn). Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 đạt 6.510 (10^3 tấn). Thực hiện tháng 12 năm 2019 đạt 6.990 (10^3 tấn).

- Chỉ tiêu về nước máy: Kế hoạch năm 2019 là 20.500 (1.000m^3). Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019 đạt 10.250 (1.000m^3). Thực hiện tháng 12 năm 2019 đạt 10.250 (1.000m^3).

2. Tình hình thực hiện các dự án

a. Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Chi cục Giám định thuộc Sở Xây dựng.

- Mục tiêu của dự án: Sửa chữa định kỳ, chống xuống cấp, Sửa chữa công trình nhằm kéo dài tuổi thọ công trình, không làm thay đổi kết cấu công trình. Đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ, công chức, viên chức Sở Xây dựng.
- Thời gian bắt đầu: Tháng 8/2018.
- Thời gian kết thúc: Tháng 6/2019.
- Tổng mức đầu tư: 1.974,9 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.
- Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân: Theo kế hoạch vốn được UBND tỉnh cấp, năm 2018 dự án được bố trí 1,5 tỷ đồng để triển khai, trong 6 tháng đầu năm 2019 chủ đầu tư đã giải ngân hết toàn bộ số vốn này.
- Chất lượng công việc đạt được: Các công việc đã đạt được phù hợp với mục tiêu của dự án, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, đúng quy trình và quy định hiện hành. Chủ đầu tư chuẩn bị tổ chức nghiệm thu hợp đồng thi công xây dựng và quyết toán dự án hoàn thành theo quy định.

b. Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 thị trấn Ba Sao huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

- Cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa của tỉnh. Hình thành một đô thị du lịch, nhằm phát huy tiềm năng lợi thế sẵn có để chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí thể thao, góp phần đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế xã hội của huyện Kim Bảng.
- Diện tích sử dụng đất: 3.141,64ha.
- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2017 - 2018
- Tổng mức đầu tư: 1.580.034.000 đồng
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh
- Tiến độ thực hiện dự án:

+ Lập nhiệm vụ quy hoạch: Đã hoàn thiện hồ sơ báo cáo UBND tỉnh phê duyệt (*tại Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 21/8/2017*).

+ Khảo sát, đo vẽ bản đồ địa hình: Đã hoàn thiện hồ sơ theo Hợp đồng số 66/2017/HĐKT ngày 05/9/2017.

+ Lập quy hoạch: Đã lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch, đã báo cáo UBND tỉnh phương án quy hoạch, đang hoàn chỉnh hồ sơ. Tuy nhiên đồ án thuộc khu chức năng trong tổng thể phát triển Khu du lịch Tam Chúc, được Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức lập, trình duyệt các đồ án thuộc Khu du lịch Tam Chúc (*quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch quốc gia, quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng trong khu du lịch quốc gia theo đúng quy định theo Quyết định số 526/QĐ-TTg ngày*

15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ). Vì vậy tiến độ thực hiện dự án sẽ được điều chỉnh, thay đổi đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

+ Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng: Lập nhiệm vụ quy hoạch 73.254.000 đồng. Khảo sát, đo vẽ bản đồ địa hình 476.331.000 đồng. Lập quy hoạch 854.975.000 đồng

+ Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân: Tổng mức đầu tư 1.580.034.000 đồng. Kết quả giải ngân 707.752.300 đồng.

+ Các chi phí khác liên quan đến dự án: Chi phí thẩm định, quản lý, công bố dự án 175.471.000 đồng.

+ Tình hình thực hiện dự án: Đảm bảo đúng tiến độ.

c. Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030

- Mục tiêu của dự án: Cụ thể hóa định hướng phát triển cấp nước trong Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở cho việc phân vùng cấp nước và triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018

- Tổng mức đầu tư: 1.296.678.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh

- Tiến độ thực hiện dự án:

+ Lập nhiệm vụ quy hoạch: Đã hoàn thiện hồ sơ, được UBND tỉnh phê duyệt theo quyết định số 2009/QĐ-UBND ngày 22/11/2017.

+ Lập quy hoạch: Dự án đã được phê duyệt theo Quyết định số 1055/QĐ-UBND ngày 07/6/2019.

- Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng: Lập nhiệm vụ quy hoạch 80.561.000 đồng. Lập quy hoạch 1.019.766.000 đồng.

- Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân: Tổng mức đầu tư 1.296.678.000 đồng. Kết quả giải ngân 384.542.000 đồng.

- Các chi phí khác liên quan đến dự án: Chi phí thẩm định, quản lý nghiệp vụ, tham vấn quy hoạch và công bố đồ án 196.351.000 đồng.

- Tình hình thực hiện dự án: Đảm bảo đúng tiến độ.

d. Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

- Mục tiêu của dự án: Tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; xây dựng huyện Lý Nhân thành huyện nông thôn mới, đóng vai trò là cực phát triển phía Đông của tỉnh.

- Diện tích sử dụng đất:khoảng 16.884,3ha.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018 - 2019

- Tổng mức đầu tư: 1.985.220.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh

- Tiến độ thực hiện dự án:

+ Lập nhiệm vụ quy hoạch: Đã hoàn thiện hồ sơ báo cáo UBND tỉnh phê duyệt (*tại Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 10/10/2018*).

+ Lập quy hoạch: Đã báo cáo UBND tỉnh, đang chờ chương trình công tác để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng: Lập nhiệm vụ quy hoạch 110.941.000 đồng. Lập quy hoạch 1.562.181.000 đồng.

- Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân: Tổng mức đầu tư 1.985.220.000 đồng. Kết quả giải ngân: 0 đồng.

- Các chi phí khác liên quan đến dự án: Chi phí thẩm định, quản lý, công bố dự án 312.098.000 đồng.

- Tình hình thực hiện dự án: Đảm bảo đúng tiến độ

e Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Lục đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050

- Mục tiêu của dự án: Tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, xây dựng huyện Lý Nhân thành huyện nông thôn mới, đóng vai trò là cực phát triển phía Đông của tỉnh.

- Diện tích sử dụng đất: khoảng 14.421,4ha.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2018 - 2019

- Tổng mức đầu tư: 1.820.537.000 đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh

- Tiến độ thực hiện dự án:

+ Lập nhiệm vụ quy hoạch: Đã hoàn thiện hồ sơ báo cáo UBND tỉnh phê duyệt (*tại Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 24/9/2018*).

+ Lập quy hoạch: Đã báo cáo UBND tỉnh, đang chờ chương trình công tác để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng: Lập nhiệm vụ quy hoạch 104.521.000 đồng. Lập quy hoạch 1.423.883.000 đồng.

- Tình hình quản lý vốn và tổng hợp kết quả giải ngân: Tổng mức đầu tư 1.820.537.000 đồng. Kết quả giải ngân: 0 đồng.

- Các chi phí khác liên quan đến dự án: Chi phí thẩm định, quản lý, công bố dự án: 292.133.000 đồng.

- Tình hình thực hiện dự án: Đảm bảo đúng tiến độ

3. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2020

a. Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2019:

- Quy hoạch phát triển VLXD tỉnh Hà Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030.

- Đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh.

- Lập đơn giá khảo sát, chỉ số giá XDCT, giá dịch vụ thoát nước thải trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

b. Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019

- Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng.
- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Lục đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.
- Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Chi cục giám định thuộc Sở Xây dựng.

c. Các dự án triển khai mới:

- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường QL1A đoạn tránh TP Phủ Lý.
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đườngT3 đoạn từ QL1A đến Khu du lịch Tam Chúc.
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường QL21B (đường Phủ Lý Mỹ Lộc).
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường 21B đoạn trùng với đường vành đai 5 vùng thủ đô.
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường ĐT499.
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường QL38 mới.
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường ĐT495B.
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc sông Châu đoạn từ âu Phủ Lý đến âu Tắc Giang (nhánh 1) và đến âu Hữu Bị (nhánh 2).

Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, VP.
- CV(VVH)- 2019/706.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH HÀ NAM

Nguyễn Quang Huy

CÁC CHỈ TIÊU NGÀNH XÂY DỰNG

TT	Chỉ tiêu kế hoạch	Đơn vị tính	Năm 2019					Kế hoạch năm 2020	KH 2020 so với ước thực hiện 2019 (%)
			Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện 6 tháng năm 2019	Ước thực hiện cả năm 2019	Ước TH 2019 so với TH 2018 (%)		
I	**Sản phẩm Vật liệu xây dựng chủ yếu**								
1	Đá các loại	10^3 m^3	12.400	12.550	6.020	12.550	101,2	12.580	100,2
2	Gạch nung	Tr.viên	450	500	240	500	111,1	510	102,2
3	Gạch không nung	Tr.viên	300	380	182	380	126,6	420	110,5
4	Xi măng	10^3 tấn	13.000	13.500	6.510	13.500	103,8	15.630	115,8
5	Nước máy	1.000m^3	20.100	20.500	10.025	20.500	102	21.000	102
II	**Chỉ tiêu môi trường và phát triển bền vững**								
1	Tỷ lệ hộ dân cư thành thị sử dụng nước sạch	%	95	97	96	97	102	100	103
III	**Chương trình phát triển nhà ở**								
1	Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh	m^2/người	26,54	27,12	26,83	27,12	102,19	27,50	101,40
2	Trong đó: Diện tích nhà ở đô thị bình quân	m^2/người	27,49	28,20	27,84	28,20	102,58	28,50	101,06
3	Diện tích nhà ở nông thôn bình quân	m^2/người	23,95	24,80	24,37	24,80	103,55	25,50	102,82
IV	**Phát triển đô thị**								
	Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh	%	36,80	36,80	36,80	36,80	100	37	100,54

Biểu số 7

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Cấp phê duyệt	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt	Năm 2019							Kế hoạch năm 2020			
					Tổng số	Vốn đầu tư công		Vốn nước ngoài		Vốn khác		Tổng số	Trong đó		
						Thực hiện 6 tháng	ước thực hiện cả năm	Thực hiện 6 tháng	ước thực hiện cả năm	Thực hiện 6 tháng	ước thực hiện cả năm		Vốn đầu tư công	Vốn nước ngoài	Vốn khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
	TỔNG SỐ (I+II+III)			**10.192,660**	-		**5.600,000**	-	-	-	-	**1.750,173**	**1.750,173**	-	-
I	**Dự án hoàn thành**			**2.831,969**	-	-	**1.526,193**	-	-	-	-	**671,043**	**671,043**	-	-
1	Quy hoạch phát triển VLXD tỉnh Hà Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Hà Nam	2018	748,191		0	0,000					498,000	498,000		
2	Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030	Hà Nam	2018-2019	1.296,678			739,093					173,043	173,043		
3	Đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh	Hà Nam	2017	106,000			106,000					0	-		
4	Lập đơn giá khảo sát, chỉ số giá XDCT, giá dịch vụ thoát nước thải trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Hà Nam	2018	681,100			*681,100*					0	-		
II	**Dự án quy hoạch dự kiến hoàn thành năm 2019**			**7.360,691**	-	-	**4.073,807**	-	-	-	-	**1.079,130**	**1.079,130**	-	-
1	Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng	Ba Sao - Kim Bảng	2018	1.580,034			872,280					-	-		
2	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Lục đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	Bình Lục	2018-2019	1.820,537			1.528,404					292,133	292,133		
3	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050	Lý Nhân	2018-2019	1.985,220			1.673,123					312,097	312,097		
4	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Chi cục giám định thuộc Sở Xây dựng	Hà Nam	2018	1.974,900		0						474,9	474,900		
III	**Dự án triển khai mới**			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường QL1A đoạn tránh TP Phủ Lý	UBND tỉnh	2020												
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đườngT3 đoạn từ QL1A đến KDL Tam Chúc	UBND tỉnh	2020												
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường QL21B (đường Phủ Lý Mỹ Lộc)	UBND tỉnh	2020												
4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường 21B đoạn trùng với đường vành đai 5 vùng thủ đô	UBND tỉnh	2020												
5	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường ĐT499	UBND tỉnh	2020												
6	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường QL38 mới	UBND tỉnh	2020												
7	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường ĐT495B	UBND tỉnh	2020												
8	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc sông Châu đoạn từ âu Phủ Lý đến âu Tắc Giang (nhánh 1) và đến âu Hữu Bị (nhánh 2)	UBND tỉnh	2020												

Biểu số 35.3

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2020 VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư ban đầu			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020				Kế hoạch trung hạn 5 năm				Kế hoạch trung hạn đã		Nhu cầu kế hoạch năm 2020				Dự kiến kế hoạch năm 2020				Ghi chú
			Số quyết định, Ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh			Tổng số	Trong đó: vốn NS			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh			
				Tổng số	Trong đó vốn NS tỉnh		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
								Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tỉnh	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tỉnh	Thanh toán nợ XDCB					Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tỉnh	Thanh toán nợ XDCB			Thu hồi các khoản vốn ứng trước NS tỉnh	Thanh toán nợ XDCB	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
	TỔNG SỐ (I+II+III)			10.192.660	10.192.660	10.192.660	10.192.660	-	10.192.660	-	-	-	-	7.405.196	8.192.296	1.750.173	1.750.173	-	2.537.273	1.750.173	1.750.173	-	1.750.173	
I	**Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2019**			**2.831,969**	**2.831,969**	**2.831,969**	**2.831,969**	-	**2.831,969**	-	-	-	-	**1.123,635**	**1.910,735**	**671,043**	**671,043**	-	**1.458,143**	**671,043**	**671,043**	-	**671,043**	-
1	Quy hoạch phát triển VLXD tỉnh Hà Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030		Số 547/QĐ-UBND ngày 24/4/2017	748,191	748,191	748,191	748,191		748,191					0,000	0,000	498,000	498,000		498,000	498,000	498,000		498,000	
2	Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030		Số 2009/QĐ-UBND ngày 22/11/2017	1.296,678	1.296,678	1.296,678	1.296,678		1.296,678					1.123,63	1.123,635	173,043	173,043		173,043	173,043	173,043		173,043	
3	Đơn giá dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh		Số 615/UBND-GTXD ngày 15/3/2017	106,000	106,000	106,00	106,00		106,000						106,000	-	-		106,000	-	-		-	
4	Lập đơn giá khảo sát, chỉ số giá XDCT, giá dịch vụ thoát nước thải trên địa bàn tỉnh Hà Nam		Số 414/QĐ-UBND ngày 15/3/2018	681,100	681,100	681,10	681,10		681,100						681,100	-	-		681,100	-	-		-	
II	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019**			**7.360,691**	**7.360,691**	**7.360,691**	**7.360,691**	-	**7.360,691**	-	-	-	-	**6.281,561**	**6.281,561**	**1.079,130**	**1.079,130**	-	**1.079,130**	**1.079,130**	**1.079,130**	-	**1.079,130**	-
1	Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng		Số 1328/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	1.580,034	1.580,034	1.580,034	1.580,034		1.580,034					1.580,03	1.580,034	-	-		-	-	-		-	
2	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Lục đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050		Số 1720/QĐ-UBND ngày 24/9/2018	1.820,537	1.820,537	1.820,537	1.820,537		1.820,537					1.528,40	1.528,404	292,133	292,133		292,133	292,133	292,133		292,133	
3	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050		Số 1812/QĐ-UBND ngày 10/10/2018	1.985,220	1.985,220	1.985,220	1.985,220		1.985,220					1.673,12	1.673,123	312,097	312,097		312,097	312,097	312,097		312,097	
4	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Chi cục giám định thuộc Sở Xây dựng		Số 1543/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	1.974,900	1.974,900	1.974,900	1.974,900		1.974,900					1.500,00	1.500,000	474,900	474,900		474,900	474,900	474,900		474,900	
III	**Các dự án triển khai mới**																							
1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường QL1A đoạn tránh TP Phủ Lý																							-
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đườngT3 đoạn từ QL1A đến KDL Tam Chúc																							
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường QL21B (đường Phủ Lý Mỹ Lộc)																							
4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường 21B đoạn trùng với đường vành đai 5 vùng thủ đô																							
5	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường ĐT499																							
6	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường QL38 mới																							
7	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc hai bên tuyến đường ĐT495B																							
8	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 dọc sông Châu đoạn từ âu Phủ Lý đến âu Tắc Giang (nhánh 1) và đến âu Hữu Bị (nhánh 2)																							